

**XU HƯỚNG BIẾN ĐỔI DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ
ĐƯỢC UNESCO CÔNG NHẬN TRÊN ĐỊA BÀN MIỀN
TRUNG - TÂY NGUYÊN: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**

ĐINH NHƯ HOÀI*

Được coi là miền đất của di sản, bên cạnh những di sản văn hóa vật thể, khu vực miền Trung - Tây Nguyên còn được biết đến với nhiều di sản văn hóa phi vật thể có giá trị được UNESCO ghi danh. Bằng phương pháp phân tích tài liệu nhằm kế thừa kết quả nghiên cứu đã có, bài viết tìm hiểu các xu hướng biến đổi di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh trên địa bàn miền Trung - Tây Nguyên hiện nay. Kết quả nghiên cứu cho thấy, với những biến đổi của môi trường và xã hội, di sản văn hóa phi vật thể ở miền Trung - Tây Nguyên đang không ngừng biến đổi, trên cơ sở đó bài viết khuyến nghị một số giải pháp quản lý nhằm bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn miền Trung - Tây Nguyên.

Từ khóa: xu hướng biến đổi, di sản văn hóa phi vật thể, UNESCO, miền Trung - Tây Nguyên

Nhận bài ngày: 21/8/2024; đưa vào biên tập: 24/8/2024; phản biện: 25/4/2025; duyệt đăng: 19/5/2025

1. DẪN NHẬP

Theo Công ước Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO (2003), “Di sản văn hóa phi vật thể được hiểu là các tập quán, các hình thức thể hiện, biểu đạt, tri thức, kỹ năng và kèm theo đó là những công cụ, đồ vật, đồ tạo tác và các không gian văn hóa có liên quan mà các cộng đồng, các nhóm người và trong một số trường

hợp là cá nhân công nhận là một phần di sản văn hóa của họ. Được chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác, di sản văn hóa phi vật thể được cộng đồng và các nhóm người không ngừng tái tạo để thích nghi với môi trường và mối quan hệ qua lại giữa cộng đồng với tự nhiên và lịch sử của họ, đồng thời hình thành trong họ ý thức về bản sắc và sự kế tục, qua đó khích lệ thêm sự tôn trọng đối với sự đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của

* Học viện Chính trị khu vực III.

con người”. Theo Luật Di sản văn hóa (sửa đổi, bổ sung năm 2009) của Việt Nam: “Di sản văn hóa phi vật thể là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác” (Khoản 1, Điều 4).

Được xem là miền đất của di sản, bên cạnh những di sản văn hóa vật thể, miền Trung - Tây Nguyên còn được biết đến với nhiều di sản văn hóa phi vật thể có giá trị. Đến thời điểm hiện nay, trong tổng số 15 di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam được UNESCO ghi danh có 5 di sản văn hóa phi vật thể ở khu vực miền Trung-Tây Nguyên, gồm: Nhã nhạc cung đình Huế (2003), Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên (2005), Dân ca ví, giặm Nghệ Tĩnh (2014), Nghệ thuật bài chòi Trung Bộ Việt Nam (2017), Nghệ thuật làm gốm của người Chăm (2022). Mỗi di sản văn hóa phi vật thể có những nét đặc trưng riêng. Trong quá trình chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác, các di sản văn hóa phi vật thể được các cộng đồng không ngừng tái tạo và phát triển. Sự biến đổi của các di sản phi vật thể nhằm thích nghi với mối quan hệ qua lại giữa cộng đồng với môi trường tự nhiên và xã hội.

Từ các nguồn tài liệu và các nghiên cứu liên quan tới di sản văn hóa phi

vật thể, bài viết phân tích các xu hướng biến đổi di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh trên địa bàn miền Trung - Tây Nguyên hiện nay. Qua đó, đề xuất một số giải pháp quản lý nhằm bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn miền Trung - Tây Nguyên trước những xu hướng biến đổi.

2. CÁC XU HƯỚNG BIẾN ĐỔI

2.1. Chủ thể thụ hưởng, không gian, thời gian và hình thức biến đổi

Bối cảnh văn hóa thay đổi tạo ra xu hướng biến đổi mới chủ thể thụ hưởng và không gian, thời gian, hình thức của di sản văn hóa phi vật thể. Trong các di sản văn hóa phi vật thể miền Trung - Tây Nguyên, nhã nhạc cung đình Huế là loại hình âm nhạc chính thống được trình diễn tại cung đình Huế xưa. Là một loại hình âm nhạc mang tính bác học, dưới thời phong kiến nhã nhạc cung đình Huế là quốc nhạc được sử dụng trong các nghi thức tế, lễ của triều đình. Chủ thể thực hành nhã nhạc là các nghệ nhân được triều đình tuyển lựa và đào tạo để phục vụ cho tầng lớp vua quan. Việc bảo tồn và phát huy giá trị của nhã nhạc đã được thành phố Huế thực hiện cùng với quá trình bảo tồn quần thể di tích Cố đô Huế. Nhã nhạc như là phần hồn của di sản ở Huế với các chương trình biểu diễn phục vụ du khách ngay tại sân điện Thái Hòa hay Thế Miếu trong hành trình tham quan. Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế còn tổ chức biểu diễn tại nhà hát Duyệt Thị Đường trong Đại Nội. Theo

Phan Tiến Dũng, Nguyễn Phước Hải Trung (2004), "... Sau năm 1945, nhã nhạc cung đình Huế đã mất không gian thực hành vốn có và có nguy cơ mai một dần. Để phục hồi và bảo tồn, bên cạnh việc nghiên cứu, phục dựng và đào tạo nhã nhạc cung đình Huế, Nhà hát Nghệ thuật Cung đình Huế đã tiến hành biểu diễn phục vụ khách đến Huế tham quan, nghiên cứu. Nhã nhạc cũng được lựa chọn biểu diễn tại các chương trình nghệ thuật của Festival Huế và đi biểu diễn tại các thành phố lớn và các quốc gia trên thế giới như Pháp và Bỉ". Có thể thấy, từ hình thức thực hành giới hạn trong không gian cung đình, nhã nhạc cung đình Huế đã và đang có sự thay đổi sang không gian rộng hơn với hình thức biểu diễn phục vụ các đối tượng thụ hưởng khác, đa dạng hơn.

Không giống như nhã nhạc cung đình Huế, dân ca ví, giặm Nghệ Tĩnh, nghệ thuật bài chòi Trung Bộ Việt Nam và không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên đều gắn với hình thức truyền khẩu và được người dân thực hành trong đời sống cộng đồng. Các loại hình di sản này được hình thành trong lao động và đời sống hàng ngày của người dân. Tuy nhiên, cũng như nhã nhạc cung đình Huế, các di sản cũng có xu hướng thay đổi về chủ thể thụ hưởng và không gian, thời gian, hình thức thực hành của di sản văn hóa.

Đối với dân ca ví, giặm, thuở mới ra đời, môi trường diễn xướng chủ yếu gắn với lao động sản xuất nông

ng nghiệp. Người dân Nghệ Tĩnh xưa ca hát để vui đi những nhọc nhằn, vất vả trong khi làm việc. "Từ chỗ chỉ là câu hò, điệu ví bên cây đa, giếng nước hay những lời thề ước trong đêm trăng thanh gió mát, những lời ru ngọt ngào của mẹ bên nôi thì trải qua quá trình lịch sử của dân tộc, dân ca ví, giặm cũng dần có sự biến đổi không ngừng" (Trần Thị Thu Hằng, 2018). Cùng với thời gian, ví, giặm ở Nghệ Tĩnh cũng có quá trình biến đổi, phát triển thích ứng với điều kiện mới. Những năm gần đây, dân ca ví, giặm được đưa lên sân khấu biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp trong các chương trình nghệ thuật lớn của đất nước. Các cuộc hội diễn, liên hoan dân ca ví, giặm thường xuyên được tổ chức ở các cấp độ, quy mô khác nhau đã góp phần đẩy mạnh phong trào hát dân ca trong các tầng lớp nhân dân (Tùng Thị Loan, 2015: 32). "Festival Dân ca ví, giặm Nghệ Tĩnh được kỳ vọng là một sự kiện văn hóa đặc sắc của xứ nghệ, tạo dấu ấn, phát huy, biến tiềm năng văn hóa thành động lực phát triển kinh tế xã hội. Thông qua Festival tỉnh Nghệ An mong muốn được sự kiện này tại hoạt động văn hóa du lịch quy mô lớn, hướng tới xây dựng sản phẩm thương hiệu văn hóa và du lịch Nghệ An trên nền tảng các giá trị di sản văn hóa truyền thống. Đẩy mạnh các hoạt động giao lưu, tạo cơ hội để kết nối di sản văn hóa với các địa phương trong cả nước, tăng cường tinh thần đoàn kết, gắn bó và hợp tác cùng phát triển..." (Thương

Nguyễn, 2023). Cùng với đó, dân ca ví, giặm đang đứng trước thách thức khi không gian diễn xướng dân gian dần bị thay thế, nguy cơ đánh mất giá trị bản sắc văn hoá truyền thống. Với nhịp sống hiện đại cùng sự tác động của nền kinh tế thị trường, môi trường diễn xướng, nếp sống, nếp sinh hoạt của người dân dần thay đổi, từ đó tạo nên rào cản trong việc tái hiện nghệ thuật (Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An, 2023).

Bài chòi là một loại hình nghệ thuật dân gian kết hợp giữa âm nhạc, thơ ca, diễn xuất, hội họa và văn học, là hoạt động văn hóa khá phổ biến trong cộng đồng làng xã ở nhiều làng quê khu vực Trung Bộ. Từ điệu hò bài chòi dân dã trong các hội chơi, bài chòi phát triển trên sân khấu trải chiếu, từ đất lên giàn và dần phát triển thành một loại hình nghệ thuật sân khấu. Theo kết quả kiểm kê của Cục Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch), đến năm 2022, có 1.376 người (870 nam, 506 nữ) trong 86 đội, nhóm, câu lạc bộ đang thực hành bài chòi tại 9 tỉnh, thành miền Trung (Hoàng Trọng, 2025). Hiện nay, bài chòi đã được đưa lên sân khấu thể nghiệm và trình diễn chuyên nghiệp. Có thể thấy, di sản văn hóa phi vật thể bài chòi cũng đang dần biến đổi theo xu hướng sân khấu hóa, chuyên nghiệp hóa để tiếp tục bảo tồn và phát triển. Mỗi địa phương trong vùng Trung Bộ có chính sách bảo tồn và phát huy giá trị di sản bài chòi phù hợp với đặc điểm riêng của địa phương. Trong đó,

thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam là địa phương đã thành công khi đưa Bài chòi thành sản phẩm văn hóa nổi bật, độc đáo, đầy sức hút đối với du khách. Và chính “Đêm phố cổ” đã làm cho trò chơi bài chòi sống dậy ở nội thị (tổ chức hàng đêm) và đã trở thành hoạt động nghệ thuật được nhiều thôn và khối phố tổ chức định kỳ vào mỗi dịp Tết đến, mỗi dịp sự kiện, hội hè và “mang chuông đi đánh xứ người” tại nhiều tỉnh thành trong cả nước và quốc tế. Đây là sản phẩm du lịch văn hóa đã tồn tại gần 24 năm qua được người dân và du khách đánh giá cao (Võ Phùng, 2023: 181).

Di sản văn hóa phi vật thể không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên được UNESCO ghi danh là di sản do sự kết hợp của 2 yếu tố “không gian” và “nghệ thuật”. Tuy nhiên, cuộc sống hiện đại với những tác động của kinh tế thị trường, đô thị hóa đã tạo nên những biến đổi trong không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên. Để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay, cồng chiêng Tây Nguyên có thể được trình diễn trong các cuộc liên hoan, hội thi, hay phục vụ khách du lịch gắn với phát triển kinh tế. Năm 2023, tỉnh Gia Lai đã đưa di sản không gian văn hóa cồng chiêng Tây nguyên vào sự kiện Tuần Văn hóa - Du lịch Gia Lai và Festival Văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên năm 2023. Sự kiện này đã thu hút trên 165 ngàn lượt du khách trong nước và quốc tế. Tỉnh đã duy trì tổ chức đều đặn chương trình Cồng chiêng cuối tuần - Thường thức và trải

nghiệm” vào tối thứ 7 hàng tuần (theo Phương Vi, 2023).

Di sản Nghệ thuật làm gốm của người Chăm là nghề thủ công đầu tiên được UNESCO chính thức ghi danh vào ngày 19/11/2022. Làng gốm Bàu Trúc hiện có 300 hộ làm nghề, 2 hợp tác xã gốm, 2 công ty và 60 cơ sở sản xuất gốm hoạt động thường xuyên. Từ năm 2005 đến nay, tỉnh Ninh Thuận triển khai nhiều đề án bảo tồn tại làng nghề gốm Bàu Trúc. Trong đó, có đề án đầu tư xây dựng tuyến du lịch trọng điểm tỉnh Ninh Thuận và gần đây nhất là dự án của Ấn Độ với vốn đối ứng của tỉnh, trị giá hơn 19 tỷ đồng, đầu tư xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng tại làng nghề. Với sự quan tâm của các cấp chính quyền, sự tham gia tích cực của người dân địa phương, cơ sở hạ tầng làng gốm Bàu Trúc ngày càng hoàn thiện, góp phần thúc đẩy làng nghề phát triển. (theo Đoàn Sĩ, 2023). Đối với nghệ thuật làm gốm của người Chăm, để phù hợp với tình hình thực tế và đáp ứng được nhu cầu của thị trường, xu hướng chuyển đổi sản phẩm gốm truyền thống trong phát triển sinh kế hộ gia đình cũng đang được chú trọng. Từ những dòng sản phẩm gốm truyền thống phục vụ nhu cầu sinh hoạt thường ngày và tín ngưỡng, tôn giáo, gốm Chăm dần được chuyển sang sản xuất gốm mỹ nghệ và được thị trường đón nhận. “Xu hướng biến đổi của di sản phi vật thể nghề gốm của người Chăm hiện nay là vừa duy trì các mặt hàng truyền thống vừa vươn

xa, thâm nhập vào thị trường toàn quốc và xuất khẩu bằng các mặt hàng gốm mỹ nghệ” (Bá Minh Truyền, 2022).

Nhìn chung, để có thể phù hợp với tình hình thực tế và nhu cầu của thị trường, các di sản văn hóa phi vật thể đang có xu hướng biến đổi về chủ thể thụ hưởng và không gian, thời gian, hình thức. Xu hướng mở rộng đối tượng thụ hưởng không chỉ là chủ thể sáng tạo di sản văn hóa hay nhóm đối tượng cụ thể mà là các du khách trong và ngoài nước. Cùng với đó, không gian, thời gian thực hành của di sản văn hóa phi vật thể thay đổi từ không gian hẹp sang phạm vi không gian rộng, thời gian gắn với nhu cầu của người thụ hưởng thay vì nhu cầu sinh hoạt văn hóa của cộng đồng, chủ thể di sản văn hóa. Đồng thời, việc thực hành các di sản cũng hướng đến phục vụ cho đối tượng khách du lịch, góp phần tạo động lực cho sự phát triển kinh tế du lịch trên mảnh đất miền Trung - Tây Nguyên. Như vậy, từ những di sản hình thành từ cuộc sống lao động đời thường của người dân đến những di sản chỉ được biểu diễn trong không gian trang nghiêm của cung đình, các di sản văn hóa phi vật thể đã, đang và tiếp tục được đưa lên sân khấu biểu diễn hay đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm để phục vụ cho đông đảo công chúng.

2.2. Xu hướng biến đổi chủ thể thực hành và kế thừa

Đối với bất kỳ di sản văn hóa phi vật thể nào, chủ thể - các nghệ nhân thực

hành di sản là một bộ phận quan trọng của di sản. Các nghệ nhân vừa là người nắm giữ kiến thức, bí quyết thực hành các loại hình di sản văn hóa phi vật thể, vừa là nhân tố năng động, sáng tạo có vai trò quan trọng trong kiến tạo, trao truyền di sản, là những người có ảnh hưởng đối với cộng đồng chủ thể di sản nói riêng, đối với xã hội nói chung. Tuy nhiên, một trong những thách thức đối với các di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh trên địa bàn miền Trung - Tây Nguyên hiện nay chính là sự sụt giảm về số lượng nghệ nhân và những người thực hành di sản. Để bảo tồn di sản thì sự tiếp nối giữa các nghệ nhân đương đại và các thế hệ sau trong thực hành di sản được đặt ra.

Hiện nay, số lượng nghệ nhân thực thụ, những người nắm giữ vốn dân ca ví, giặm nguyên thể ngày càng ít và tuổi cao sức yếu, đội ngũ kế cận có hiểu biết đầy đủ về di sản không nhiều (Tư Thị Loan, 2015: 27). Cùng với đó, việc gìn giữ và chuyển giao các tri thức và bí quyết về công chiêng Tây Nguyên gặp rất nhiều khó khăn. Số lượng người biết sử dụng công chiêng không nhiều. Chỉ có khoảng 1,4% đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên biết sử dụng công, 9,3% biết sử dụng chiêng, 5% biết sử dụng trống (theo Thương Huyền và cộng sự, 2019). Nhiều nghệ nhân nắm giữ bí quyết qua đời trong khi thế hệ trẻ ít hoặc không quan tâm đến công chiêng. Qua 3 đợt xét tặng, toàn tỉnh Gia Lai có 32 nghệ nhân được Chủ

tịch nước phong tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú, trong đó có 10 nghệ nhân chĩnh chiêng và trình diễn công chiêng thì có 3 người đã mất (Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, 2023). Loại hình nghệ thuật bài chòi, tỉnh Quảng Ngãi chỉ có 1 nghệ nhân được công nhận danh hiệu Nghệ nhân nhân dân và 9 Nghệ nhân ưu tú, số lượng nghệ nhân, diễn viên bài chòi khoảng 150 người. Số lượng nghệ nhân truyền dạy cơ bản về hò, hát, các làn điệu dân ca nguyên gốc, sáng tác mới... còn rất ít. Đặc biệt, nhạc công đệm đàn cho dân ca - bài chòi rất hiếm, quá trình tìm kiếm, đào tạo những người thực sự có tố chất kế thừa nghệ thuật truyền thống này gặp nhiều khó khăn. Đào tạo hàng trăm người cũng chỉ 3 - 4 người đáp ứng tiêu chí của bài chòi (theo Như Đồng, 2023).

Tương tự, với nghề gốm của người Chăm, số lượng nghệ nhân, người thực hành và người học nghề tại các làng gốm hiện khá ít. Ninh Thuận có 22 làng Chăm truyền thống nhưng chỉ còn duy nhất làng Bàu Trúc còn bảo tồn nghề làm gốm với khoảng gần 200 hộ làm gốm. Bên cạnh các khó khăn như tác động của đô thị hóa làm thu hẹp không gian làng nghề thủ công và nguồn nguyên liệu sẵn có, chi phí cho nguyên liệu tăng cao, nghề gốm cũng đang phải đối diện với các thách thức do nghệ nhân lành nghề tuổi cao trong khi các thế hệ trẻ không hứng thú với nghề (Bá Minh Truyền, 2022).

Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 39/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm

2024 của Chính phủ đã nêu rõ: “Chính quyền địa phương các cấp, các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng tạo điều kiện hỗ trợ và bảo đảm điều kiện cho hoạt động truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể trong các danh sách của UNESCO, danh mục của quốc gia và di sản có nguy cơ mai một, thất truyền”. Các tỉnh ở địa bàn miền Trung - Tây Nguyên đã triển khai và thực hiện khá tốt nội dung này trong truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh. Từ đó hình thành nên xu hướng biến đổi liên quan tới chủ thể thực hành và kế thừa di sản như: Trong di sản dân ca ví, giặm Nghệ Tĩnh đã được chính quyền tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh xây dựng, thực hiện kế hoạch triển khai thiết lập mô hình câu lạc bộ dân ca ví, giặm và nhận được sự tham gia chủ động, tích cực của đông đảo cộng đồng địa phương, tạo điều kiện giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Cụ thể Trung tâm Nghệ thuật truyền thống Nghệ An đã phối hợp với các địa phương thành lập thêm 59 câu lạc bộ dân ca, nâng tổng số câu lạc bộ trên địa bàn tỉnh lên 151. Các câu lạc bộ này đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và phát triển phong trào hát dân ca trong cộng đồng. Hằng năm, Trung tâm tổ chức 5 lớp tập huấn về dân ca ví, giặm cho giáo viên và các câu lạc bộ. Các chương trình truyền dạy cho học sinh cũng được triển khai để giới trẻ thêm hiểu và yêu văn hóa truyền thống (theo Lê Anh Tấn, 2024). Với di sản không gian văn

hóa công chiêm Tây Nguyên, tại tỉnh Gia Lai có 494 câu lạc bộ, đội công chiêm, đội văn nghệ dân gian có sử dụng công chiêm (gọi tắt là đội) với trên 16.200 thành viên. Theo kết quả điều tra, có 351/494 đội hoạt động thường xuyên, chiếm 71,05%; 143/494 đội hoạt động không thường xuyên (hoạt động từ 3 tháng trở lên/lần), chiếm 28,95% (Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, 2023).

Có thể thấy, các di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh tại miền Trung - Tây Nguyên đều phải đối diện với nguy cơ mai một do thiếu nghệ nhân và những người thực hành di sản. Chính vì thế, hiện nay để có thể bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa phi vật thể cần nhất là phát triển đúng mức về chủ thể thực hành di sản. Tại các địa phương có di sản văn hóa phi vật thể, các hoạt động đào tạo nhằm phát triển nguồn nhân lực thực hành di sản ngày càng được chú trọng và mở rộng. Đối với nghề gốm của người Chăm, thay vì mẹ truyền con gái nổi để duy trì nghề cho các thế hệ trong gia đình, hiện nay nghề gốm đã có thêm nam thanh niên, đàn ông trung niên học nghề, làm sản phẩm. Đối với các di sản văn hóa phi vật thể khác như bài chòi, ví, giặm, công chiêm Tây Nguyên hay nhã nhạc cung đình Huế, Nhà nước và các địa phương đã và đang lan tỏa đến đông đảo người dân trong cộng đồng, khuyến khích và đa dạng các đối tượng trong cộng đồng tham gia học và duy trì thực hành. Nhiều câu

lạc bộ, lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn,... đã được mở ra nhằm truyền lại cho các thế hệ sau tiếp tục bảo tồn duy trì và phát triển.

3. MỘT SỐ THẢO LUẬN VÀ GIẢI PHÁP

Sau khi được UNESCO ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể, Nhà nước và chính quyền các địa phương trên địa bàn miền Trung - Tây Nguyên đã có nhiều chính sách bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa này trong đời sống kinh tế - xã hội - văn hóa theo các góc độ khác nhau phù hợp từng di sản, từng cộng đồng, từng địa bàn. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định: “Gắn phát triển văn hóa với phát triển du lịch, đưa du lịch thành một ngành kinh tế mũi nhọn, đồng thời bảo vệ, gìn giữ tài nguyên văn hóa cho các thế hệ mai sau” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập 1: 145-146). Có thể thấy, đang có xu hướng đưa di sản văn hóa phi vật thể vào phục vụ các hoạt động du lịch, thông qua du lịch phát huy và bảo tồn các giá trị di sản văn hóa phi vật thể là một cách làm có hiệu quả. Việc phát huy các giá trị kinh tế của di sản văn hóa phi vật thể tại miền Trung - Tây Nguyên được UNESCO ghi danh dưới góc độ du lịch văn hóa, du lịch di sản chính là cách thức hiệu quả cao. Các hoạt động du lịch di sản góp phần phát huy sức mạnh của văn hóa, phát huy giá trị văn hóa dân tộc, thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế đến với miền Trung, Tây Nguyên. Quá trình

thực hiện chính sách bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn phát triển du lịch di sản cùng với những thay đổi của điều kiện phát triển kinh tế-xã hội, sự vận động của lịch sử là nguyên nhân, bối cảnh dẫn tới xu hướng thay đổi đa dạng, linh hoạt về chủ thể thụ hưởng và không gian, thời gian, hình thức của di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh trên địa bàn miền Trung - Tây Nguyên.

Xu hướng biến đổi để phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay là xu thế tất yếu của các di sản nói chung cũng như các di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh trên địa bàn miền Trung - Tây Nguyên nói riêng. Xu hướng biến đổi đó cần gắn với phát triển bền vững. Phát triển bền vững là sự phát triển thỏa mãn những nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm hại đến khả năng đáp ứng những nhu cầu của thế hệ tương lai (Đặng Thị Ánh Tuyết - Hoàng Thị Quyên, 2020). “Với giá trị lịch sử, văn hóa và khoa học, trải qua hàng ngàn năm sáng tạo và tích lũy, hướng phát triển bền vững của các di sản văn hóa phi vật thể tại miền Trung, Tây Nguyên được UNESCO ghi danh chính là làm thế nào để vừa bảo tồn di sản văn hóa, vừa tạo công ăn việc làm và nâng cao đời sống của người dân” (Sakaya, 2013: 419). Trong quá trình biến đổi đó, cần có những giải pháp quản lý hiệu quả để có thể bảo tồn và phát huy những giá trị to lớn của các di sản văn hóa phi vật thể mà cha ông để lại trên mảnh đất miền Trung-Tây Nguyên.

Năm 2003, Công ước về Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể đã được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) thông qua (gọi tắt là Công ước 2003). Đến ngày 05/9/2005, Việt Nam chính thức tham gia Công ước và đã có nhiều nỗ lực để thực hiện hiệu quả công ước trong phạm vi lãnh thổ và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Tinh thần của Công ước 2003 đã được Việt Nam vận dụng vào Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009. Cùng với đó Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản dưới luật để hướng dẫn thực hiện luật cũng như điều chỉnh các hoạt động liên quan đến bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể. Đặc biệt, công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa nhất là di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh trên địa bàn miền Trung - Tây Nguyên đã được xác định trong các Nghị quyết của Bộ Chính trị⁽¹⁾. Đây chính là quan điểm của Đảng và căn cứ về mặt quản lý Nhà nước cùng với thực tiễn xu hướng biến đổi di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh trên địa bàn miền Trung - Tây Nguyên để nghiên cứu đề xuất những giải pháp nhằm bảo tồn di sản này trước các xu hướng biến đổi hiện nay.

Thứ nhất, cần hoàn thiện hệ thống chính sách đối với các di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh: Hoàn thiện hệ thống chính sách là một trong những giải pháp quan trọng trong công tác quản lý các di sản văn

hóa phi vật thể của miền Trung - Tây Nguyên được UNESCO ghi danh. Ngày 21/9/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Đến ngày 16/4/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 39/2024/NĐCP quy định biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các danh sách UNESCO và danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Nghị định 2166/VBHN-BVHTTDL ngày 24/5/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Trên cơ sở các quy định của chính phủ, chính quyền các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên nơi có các di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh cần ban hành các chính sách phù hợp với đặc điểm và tình hình thực tế tại địa phương cũng như đặc điểm của mỗi di sản.

Thứ hai, đào tạo và nâng cao trình độ quản lý của đội ngũ cán bộ văn hóa tại các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên: Để thực hiện tốt công tác quản lý di sản văn hóa cần phải có đội ngũ cán bộ văn hóa vừa có trình độ chuyên môn, vừa năng động sáng tạo, gần gũi với nhân dân, nắm bắt mọi diễn biến của đời sống văn hóa cơ sở để có phương án quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản một cách phù hợp, bền vững. Cùng với đó, cần tăng

cường kinh phí cho hoạt động quản lý di sản văn hóa.

Thứ ba, các địa phương trên địa bàn miền Trung - Tây Nguyên cần đẩy mạnh nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa các di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh: Tiếp tục thực hiện Thông tư số 20/2012/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về hồ sơ và thủ tục gửi, nhận gửi tư liệu di sản văn hóa phi vật thể, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. Chính quyền các địa phương cần nghiên cứu, sưu tầm và tư liệu hóa các di sản văn hóa phi vật thể đã được UNESCO ghi danh vào hoạt động bảo vệ di sản. Cần khuyến khích và tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức, cộng đồng và cá nhân thực hiện, tham gia thực hiện, hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa, áp dụng khoa học công nghệ vào hoạt động bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh. Với những nội dung của các loại hình văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh đã bị mai một, chính quyền khuyến khích, tăng cường đầu tư nghiên cứu, phục dựng lại, tiếp sức cho loại hình di sản đó có thể tồn tại và phát triển. Đẩy mạnh việc ứng dụng chuyển đổi số trong tiến hành điều tra, sưu tầm, thu thập, ghi chép và phục dựng các dạng thức của di sản văn hóa phi vật thể.

Thứ tư, thực hiện song song giữa bảo tồn và phát triển du lịch di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh trên địa bàn miền Trung - Tây Nguyên:

Đề án “Chiến lược phát triển sản phẩm du lịch đến năm 2025, định hướng 2023” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt theo Quyết định số 2714/QĐ-BVHTTDL, ngày 03/8/2016 khẳng định quan điểm phát triển du lịch gắn với phát huy tối đa các lợi thế tiềm năng về tự nhiên và văn hóa. Điều đó cho thấy, phát triển du lịch thông qua khai thác bền vững di sản văn hóa là một cách thức nhằm khẳng định vị thế, vai trò sức mạnh nội sinh, động lực cho sự phát triển bền vững, đồng thời góp phần giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển trong xu thế hiện nay. Vì vậy, chính quyền các địa phương tại miền Trung - Tây Nguyên cần tiếp tục quản lý các di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh theo hướng phát triển du lịch di sản văn hóa. Cần xây dựng chương trình quy hoạch tổng thể về phát triển du lịch di sản văn hóa phi vật thể gắn với bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa; đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ du lịch văn hóa di sản thông qua việc chú trọng sân khấu hóa nghệ thuật biểu diễn các di sản, phát triển đa dạng các đồ thủ công mỹ nghệ từ gốm của người Chăm... đảm bảo song song giữa bảo tồn, phát triển các giá trị truyền thống kết hợp phát triển du lịch văn hóa bền vững. Đặc biệt trong phát triển du lịch di sản văn hóa cần chú trọng cân xứng giữa hoạt động bảo tồn và phát huy trên nền tảng phát triển cộng đồng, tránh việc quá chú trọng phát triển sản

phẩm du lịch mà làm bóp méo, biến đổi bản chất của giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

Thứ năm, ưu tiên các hoạt động truyền dạy các di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh trên địa bàn miền Trung - Tây Nguyên: Chính quyền các địa phương tại miền Trung - Tây Nguyên có di sản văn hóa phi vật thể trong danh sách được UNESCO công nhận cần ưu tiên hoạt động truyền dạy tại cộng đồng cho thế hệ kế cận. Đồng thời, thu hút các Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú tham gia vào hoạt động truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể.

4. KẾT LUẬN

Cùng với sự biến đổi của đời sống kinh tế, xã hội, các di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh trên địa bàn miền Trung - Tây Nguyên đang có sự biến đổi. Xu hướng biến đổi này đang theo hướng sân khấu hóa, mở rộng đối tượng thực hành và thụ hưởng, phát triển di sản gắn với du lịch, kinh tế thị trường. Để có thể tiếp tục bảo tồn và phát huy các giá trị của các di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh trên địa bàn miền Trung - Tây Nguyên, cần quản lý tốt các xu hướng biến đổi này bằng những giải pháp quản lý phù hợp được thực hiện một cách đồng bộ và toàn diện. □

CHÚ THÍCH

(1) Như: Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 6/10/2022 về phương hướng phát triển kinh tế-xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 chỉ rõ: “Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo, truyền thống tốt đẹp, các di tích lịch sử, văn hóa tiêu biểu các dân tộc Tây Nguyên; duy trì và xây dựng không gian công cộng trong buôn, làng dành cho hoạt động văn hóa cộng đồng gắn với nhà Rông, nhà dài, lễ hội cộng chiêng; chú trọng bảo tồn và phát huy các di sản thế giới, di tích xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt, các di sản văn hóa tiêu biểu đặc trưng của vùng và di sản văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số”; Nghị quyết số 26- NQ/TW ngày 3/11/2022 về phát triển kinh tế-xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 khẳng định: “Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản lịch sử, văn hóa vật thể và phi vật thể, danh lam thắng cảnh và di sản thiên nhiên, nhất là các di sản văn hóa được UNESCO vinh danh”.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bá Minh Truyền. 2022. “Nghề làm gốm của người Chăm ở làng Bàu Trúc”. *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*, số 4(78).
2. Bộ Chính trị. 2022. *Nghị quyết số 23-NQ/TW* về phương hướng phát triển kinh tế-xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Hà Nội.
3. Bộ Chính trị. 2022. *Nghị quyết số 26-NQ/TW* về phát triển kinh tế-xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn

đến năm 2045. Hà Nội.

4. Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch. 2016. *Quyết định số 2714/QĐ-BVHTTDL* phê duyệt đề án “Chiến lược phát triển sản phẩm du lịch đến năm 2025, định hướng 2023”. Hà Nội.

5. Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch. 2024. *Nghị định 2166/VBHN-BVHTTDL* quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Hà Nội.

6. Chính phủ. 2010. *Nghị định số 98/2010/NĐ-CP* quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Hà Nội.

7. Chính phủ. 2024. *Nghị định số 39/2024/NĐCP* quy định biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các danh sách UNESCO và danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Hà Nội.

8. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2021. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII – Tập 1*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, tr. 145-146.

9. Đặng Thị Ánh Tuyết, Hoàng Thị Quyên. 2020. “Tổng quan các cách tiếp cận về quản lý phát triển bền vững”. *VNU Journal of Science: Policy and Management Studies*, Vol. 36, No. 4 (2020), tr. 9-17.

10. Đoàn Sĩ. 2023. “Phát triển du lịch cộng đồng với di sản gốm Bàu Trúc”. <https://bvhttdl.gov.vn/phat-trien-du-lich-cong-dong-voi-di-san-gom-bau-truc-20230615170248173.htm>, truy cập ngày 15/8/2025.

11. Hoàng Trọng. 2025. “Yêu chi cái nghệ bài chòi?”. <https://thanhnien.vn/yeu-chi-cai-nghe-bai-choi-185250327221525932.htm>, truy cập ngày 27/4/2025.

12. Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An. 2023. *Báo cáo số 374/BC-ĐGS.HĐND* về kết quả giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh từ đầu nhiệm kỳ 2021 - 2026 đến nay. Nghệ An.

13. Lê Anh Tấn. 2024. “Nỗ lực bảo tồn, quảng bá các làn điệu ví, giặm”. <https://www.qdnd.vn/van-hoa/van-hoc-nghe-thuat/no-luc-bao-ton-quang-ba-cac-lan-dieu-vi-giam-808486>, truy cập ngày 27/4/2025.

14. Như Đồng. 2023. “Gắn kết nghệ thuật Bài chòi với phát triển du lịch”. <https://baovanhoa.vn/du-lich/gan-ket-nghe-thuat-bai-choi-voi-phat-trien-du-lich-28022.html>, truy cập ngày 16/8/2025.

15. Phan Tiến Dũng, Nguyễn Phước Hải Trung. 2004. “Nhã nhạc cung đình Việt Nam, kiệt tác phi vật thể”. *Tạp chí Di sản văn hóa*, số 6.

16. Phương Vi. 2023. “Gia Lai: Tổng thu du lịch năm 2023 ước đạt 750 tỷ đồng”. <https://baogialai.com.vn/gia-lai-tong-thu-du-lich-nam-2023-uoc-dat-750-ty-dong-post256972.html>, truy cập ngày 12/8/2025.

17. Quốc hội. 2009. *Luật Di sản văn hóa (sửa đổi, bổ sung)*. Hà Nội.

18. Sakaya. 2013. *Tiếp cận một số vấn đề văn hóa Champa*. Hà Nội: Nxb Tri thức.

19. Thương Huyền - Trần Quỳnh - Đình Phương. 2019. “Vang mãi công chiêng đại ngàn”. <https://dangcongsan.vn/tu-tuong-van-hoa/vang-mai-cong-chieng-dai-ngan-520067>, truy cập ngày 15/8/2025.

20. Thương Nguyễn. 2023. “Đề dân ca, ví giặm Nghệ Tĩnh luôn trường tồn và tỏa sáng”. <https://bvhttdl.gov.vn/de-dan-ca-vi-giam-nghe-tinh-luon-truong-ton-va-toa-sang-20230729072943516.htm>, truy cập ngày 25/7/2025.
21. Trần Thị Thu Hằng. 2018. “Đôi nét về dân ca ví, giặm Nghệ Tĩnh”. <http://banquanlyditichnghean.gov.vn/dttc/portal/folder/dsvh-phi-vat-the-dai-dien-nhan-loai>, truy cập ngày 25/7/2025.
22. Từ Thị Loan. 2015. “Giá trị và sức sống của dân ca ví, giặm Nghệ Tĩnh”. *Tạp chí Di sản Văn hóa*, số 1(50), tr. 27-32.
23. UNESCO. 2003. *Công ước về Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể*. Hà Nội.
24. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai. 2023. Đề án *Bảo tồn và phát huy giá trị di sản không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2023 - 2025*. Gia Lai.
25. Võ Phùng. 2023. “Bảo tồn, phát huy nghệ thuật Bài chòi ở Hội An - Thành công và bài học kinh nghiệm”, trong *Di sản Bài chòi xứ Quảng*. Đà Nẵng: Nxb. Đà Nẵng.